| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**<br>TỈNH THỪA THIÊN HUẾ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc** |

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 - 09 - 2019
*"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Hữu Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Tú

2. Ông Hoàng Tú Nam.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Văn Viện – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:* Ông Trần Quốc Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về hôn nhân: Anh Phan Đ kết hôn với chị Phan Thị Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hòa, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường hay xo xát, cải vả và bất đồng quan điểm sống. Anh Đ nghi ngờ chị Th có tình cảm với người đàn ông khác, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Do

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được nên chị Th đã bỏ đi từ năm 2013 đến nay mà không liên lạc gì với anh. Tháng 5/2018 anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Th mất tích nhưng khi đến nhà mẹ đẻ của chị Th tại thôn, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị thì anh gặp chị Th tại đây nên anh đã rút đơn yêu cầu tuyên bố chị Th mất tích. Anh có hỏi địa chỉ nhưng chị Th không cho biết. Anh Đ nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Th.

Về con chung: Anh Đ xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phan H, sinh ngày 25/9/2002 và Phan D, sinh ngày 21/9/2007. Nếu ly hôn anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được quyền nuôi dưỡng cháu Phan D cho đến khi đủ 18 tuổi; Cháu Phan H đã được chị Th nuôi dưỡng kể từ ngày chị mang cháu đi theo nên đề nghị giao cho chị Lê Thị Th nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không phải giải quyết.

Chị Phan Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến để giải quyết vụ án nhưng quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Th vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị Th.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Đ; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phan D, sinh ngày 21/9/2007 cho anh Phan Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Phan H, sinh ngày 25/9/2002 cho chị Phan Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết; về án phí: Anh Phan Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Bị đơn chị Phan Thị Th có Hộ khẩu thường trú tại xã Hương P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Th bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Chị

Th có liên lạc với mẹ của chị nhưng cũng không cung cấp đị chỉ mới. Tòa án xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ chị Th đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng chị Th vẫn không đến. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị Th vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

*Về nội dung:*

[3] Về hôn nhân: Anh Phan Đ kết hôn với chị Phan Thị Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2001 nên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và thường xuyên cải vả, xô xát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị Th đã bỏ đi từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai.

[4] Tại biên bản xác minh tại UBND xã H, thị xã H đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Đ, chị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hương Phong, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị Th có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 5 năm trở lại đây không còn quan tâm gì cho nhau nữa; Về con chung: Anh Đ, chị Th có 02 người con chung tên là: Phan H, sinh năm 2002 và Phan D sinh năm 2007. Cháu Phan D hiện đang sống cùng với anh Đ và gia đình anh Đ; cháu Phan H hiện đang sinh sống cùng với chị Th.

[5] Tòa án nhận thấy việc mâu thuẫn của anh Đ, chị Th đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân nhau cũng đã lâu, không còn quan tâm lo lắng gì cho nhau nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc anh Đ xin ly hôn chị Th là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Tại bản tự khai của cháu Phan D (con của anh Đ, chị Th) thì cháu D có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì muốn được ở với bố là ông Phan Đ; Hiện cháu Phan H đang ở cùng với chị Th, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Th cùng cháu Phan H đến để lấy lời khai xem nguyện vọng của cháu như thế nào nếu bố mẹ ly hôn, tuy nhiên Tòa án không thể triệu tập được chị Th cũng như cháu H nên Tòa án không thể lấy lời khai của cháu H.

[7] Tòa án nhận thấy cháu Phan Dân hiện đang sinh sống cùng với anh Đ, cháu Phan Hài hiện đang sinh sống cùng với chị Th, cuộc sống của các cháu đã ổn định, cháu D cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ nên việc giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị Th nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Phan Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35 và Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Anh Phan Đ được ly hôn với chị Phan Thị Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phan D, sinh ngày 21/9/2007 cho anh Phan Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Phan H, sinh ngày 25/9/2002 cho chị Phan Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Đ phải chịu án 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân dân sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 009878 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, anh Đ đã nộp đủ;

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh TT Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND xã Hải Hòa;*
- *Lưu HS.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Hữu Nam**